

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN XUÂN LỘC
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2018/KDTM-ST
Ngày: 12-10-2018
V/v tranh chấp Hợp đồng dịch
vụ và Hợp đồng mua bán hàng
hóa

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN XUÂN LỘC**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Thanh Thái

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Huỳnh Thoa
2. Ông Trần Văn Xuân

- Thư ký phiên tòa: bà Ngô Thị Châu Loan, thư ký Tòa án.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuân Lộc tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Huệ -Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 10 năm 2018 tại Hội trường trại tạm giam công an tỉnh Đồng Nai, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 10/2014/TLST-KDTM ngày 26 tháng 5 năm 2014, về “Tranh chấp Hợp đồng dịch vụ và Hợp đồng mua bán hàng hóa” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 14/2018/QĐXX-ST ngày 17 tháng 9 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Công ty trách nhiệm hữu hạn thương mại dịch vụ xuất nhập khẩu ĐT.

Trụ sở: Y, đường X, phường 9, quận P, thành phố H.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: bà Nguyễn Thị Thúy H, sinh năm: 1978.

Trú tại: Y, X, phường A, huyện D, tỉnh BD.

(Văn bản ủy quyền ngày 26 tháng 5 năm 2015)

2. Bị đơn: bà Nguyễn Thị Th, chủ doanh nghiệp tư nhân T

Trụ sở: ấp B, xã XD, huyện XL, tỉnh DN.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (tham gia tố tụng với bên bị đơn):* ông Nguyễn Hữu Tr, sinh năm 1958
Trú tại: ấp B, xã XD, huyện XL, tỉnh ĐN.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Nguyên đơn do bà Nguyễn Thị Thúy H trình bày:* Công ty trách nhiệm hữu hạn thương mại dịch vụ xuất nhập khẩu ĐT (gọi tắt là Công ty ĐT) và bà Nguyễn Thị Th, chủ doanh nghiệp tư nhân T có ký kết hợp đồng cung ứng dịch vụ gửi hàng, chế biến nông sản để xuất, nhập khẩu và mua bán cà phê với nhau từ năm 2010 đến 2011. Trong quá trình các bên thực hiện hợp đồng, ngày 08/02/2012, công ty ĐT và bà Nguyễn Thị Th chủ doanh nghiệp tư nhân T còn nợ tiền phí dịch vụ xuất hàng và phí chế biến là 2.344.913.957 đồng.

Vào ngày 28/11/2011, Công ty ĐT thỏa thuận cho bà Nguyễn Thị Th mượn mặt hàng cà phê, cụ thể như sau: cà phê R/16 với khối lượng là 174.168 kg, thành tiền là 6.800.000.000 đồng; cà phê loại R2/13 với khối lượng là 68.919 kg, thành tiền là 2.600.000.000 đồng để giao cho công ty ký kết hợp đồng với bà Th. Tổng thành tiền là 9.400.000.000 đồng (chín tỷ bốn trăm triệu)

Ngày 16/3/2012, ông Nguyễn Hữu Tr ký giấy chuyển nhượng QSDĐ thửa số X tờ bản đồ số Y diện tích 2614 m² tọa lạc tại ấp B, xã XD, huyện XL cho Công ty ĐT với giá chuyển nhượng theo thỏa thuận là 6.181.709.300 đồng. Hiện nay, bà Nguyễn Thị Th, chủ Doanh nghiệp T còn nợ Công ty ĐT số tiền là 5.150.481.918 đồng. Bà Nguyễn Thị Thúy H yêu cầu bà Nguyễn Thị Th, chủ doanh nghiệp tư nhân T và ông Nguyễn Hữu Tr liên đới thanh toán số nợ cho Công ty ĐT.

- *Bị đơn bà Nguyễn Thị Th, chủ doanh nghiệp tư nhân T trình bày:* bà Th thống nhất với lời trình bày của nguyên đơn về quá trình mua bán và mượn mặt hàng cà phê giữa DNTN T và công ty ĐT. Đến nay, Doanh nghiệp T còn nợ lại Công ty ĐT số tiền 5.150.481.918 đồng.

Bà Th đã giao toàn bộ tài sản và hàng hóa cho tập đoàn I và UBND huyện XL, tỉnh ĐN để thanh toán cho các chủ nợ theo biên bản làm việc giữa các bên vào ngày 10/4/2012, nên Công ty cổ phần tập đoàn I và UBND huyện XL có nghĩa vụ thanh toán.

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Hữu Tr trình bày:* ông Tr thống nhất với lời trình bày của bà Th, ông Tr không có yêu cầu khởi kiện độc lập mà tham gia tố tụng cùng với bị đơn bà Th.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuân Lộc phát biểu ý kiến:* Về quan hệ pháp luật, xác định tư cách đương sự tham gia tố tụng, thực hiện thông báo thụ

lý vụ án đã được Tòa án nhân dân huyện Xuân Lộc xác định đầy đủ và đúng quy định pháp luật.

Về quan điểm giải quyết vụ án: chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật: Công ty ĐT và bà Nguyễn Thị Th, chủ Doanh nghiệp tư nhân T ký hợp đồng dịch vụ gửi hàng để xuất, nhập hàng hóa trong đó có các phí vận chuyển, bốc hàng, đóng gói và phí chế biến. Ngoài ra, hai bên còn thỏa thuận với nhau: Công ty ĐT cho Doanh nghiệp tư nhân T mượn 243.087 kg cà phê, thành tiền là 9.400.000.000 đồng để Doanh nghiệp T chuyển hàng cho Công ty khác. Các bên đều có đăng ký kinh doanh, việc giao kết hợp đồng giữa hai bên đương sự đều nhằm mục đích lợi nhuận, nên quan hệ pháp luật tranh chấp là “Tranh chấp hợp đồng dịch vụ và hợp đồng mua bán hàng hóa”.

[2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: bà Nguyễn Thị Th- chủ doanh nghiệp tư nhân T có trụ sở của doanh nghiệp ở tại ấp B, xã XD, huyện XL nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Xuân Lộc.

[3] Về tư cách tham gia tố tụng: Công ty ĐT do bà Nguyễn Thị Thu Th đại diện theo pháp luật của công ty có đơn khởi kiện bà Nguyễn Thị Th, chủ Doanh nghiệp tư nhân T, nên xác định Công ty ĐT là nguyên đơn; bà Nguyễn Thị Th, chủ Doanh nghiệp tư nhân T là bị đơn; Do doanh nghiệp tư nhân T không có tư cách pháp nhân, phải chịu trách nhiệm bằng toàn bộ tài sản của mình đối với các khoản nợ và các nghĩa vụ tài chính khác, nên cần đưa ông Nguyễn Hữu Tr là chồng bà Th vào tham gia tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là phù hợp.

Ngày 26/5/2015, đại diện theo pháp luật của Công ty ĐT có văn bản ủy quyền cho bà Nguyễn Thị Thúy H làm đại diện tham gia tố tụng là phù hợp với quy định pháp luật nên chấp nhận.

[4] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nhận thấy: Vào ngày 28/11/2011, Công ty ĐT cho bà Th mượn mặt hàng cà phê với tổng là 243.087 kg cà phê, giá trị tương đương với 9.400.000.000 đồng (chín tỷ bốn trăm triệu) và hẹn đến 29/4/2012 sẽ trả lại số cà phê cho Công ty ĐT. Ngoài ra, bà Th và Công ty ĐT có ký hợp đồng thực hiện dịch vụ xuất hàng cho bà Nguyễn Thị Th- chủ DNTN T và nợ Công ty ĐT 03 tháng tiền phí dịch vụ và chi phí chế biến (các tháng 10,11,12/2011) là 2.344.913.957 đồng. Công ty ĐT cung cấp bản xác nhận nợ giữa Công ty ĐT và bà Nguyễn Thị Th, chủ doanh nghiệp tư nhân T với số tiền 11.744.913.957 đồng. Sau

khi các bên đã cản trở nợ thì hiện nay bà Th-chủ DNTN T còn nợ lại Công ty ĐT số tiền 5.150.481.918 đồng.

Trong quá trình thu thập chứng cứ, bà Th thừa nhận số nợ trên nhưng cho rằng đã giao tài sản và hàng hóa cho tập đoàn I để thanh toán cho các chủ nợ trong đó có Công ty ĐT vào ngày 10/4/2012, nên không đồng ý thanh toán. Tuy nhiên, tại công văn số 856 ngày 19/6/2015, Công ty CP tập đoàn I không có thỏa thuận nào về việc xử lý tài sản và các khoản nợ của DNTN T. UBND huyện XL cũng có văn bản số 2455/UBND-NL ngày 08/6/2018 xác định chỉ thành lập tổ xử lý nợ hỗ trợ cho DNTN T để bảo vệ quyền lợi cho người dân, không cùng với Công ty CP tập đoàn I nhận tài sản của DNTN T để thanh toán nợ thay như bà Th trình bày. Đồng thời bà Th cũng đã khởi kiện tranh chấp Hợp đồng mua bán tài sản với Công ty CP tập đoàn I và đã được Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai giải quyết theo thẩm quyền. Nên lời trình bày của bà Th không có cơ sở chấp nhận.

Tại phiên tòa, bà Nguyễn Thị Th yêu cầu xem xét lại các hợp đồng giữa bà và công ty ĐT, tuy nhiên qua các chứng cứ do nguyên đơn cung cấp là các hợp đồng dịch vụ, bảng theo dõi hàng hóa, biên bản làm việc, giấy xác nhận, hóa đơn giá trị gia tăng (từ bút lục 32-66), thể hiện bà Nguyễn Thị Th còn nợ của Công ty ĐT số tiền 11.744.913.957 đồng và đã cản trở nợ bằng quyền sử dụng thửa đất số X tờ bản đồ số Y diện tích 2614 m² tọa lạc tại ấp B, xã XD, huyện XL với số tiền là 6.181.709.300 đồng, số nợ còn lại là 5.150.481.918 đồng, chưa được thanh toán. Bà Nguyễn Thị Th không cung cấp được các chứng cứ phản bác cho yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Mặt khác, bà Nguyễn Thị Th là chủ doanh nghiệp tư nhân, do đó theo quy định tại Điều 141 Luật doanh nghiệp thì chủ doanh nghiệp chịu trách nhiệm bằng toàn bộ tài sản của mình về mọi hoạt động của doanh nghiệp. Đồng thời, việc kinh doanh buôn bán phát sinh trong thời kỳ hôn nhân giữa ông Tr và bà Th, nên việc buộc ông Tr liên đới cùng bà Th có trách nhiệm thanh toán cho Công ty ĐT số tiền là 5.150.481.918 đồng (năm tỷ một trăm năm mươi triệu bốn trăm tám mươi một ngàn chín trăm mười tám ngàn), là có căn cứ.

[5] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên buộc bà Nguyễn Thị Th, chủ doanh nghiệp tư nhân T và ông Nguyễn Hữu Tr liên đới nộp án phí KDTM sơ thẩm: 5.150.481.918 đồng x 5% = 113.150.482 đồng. Xét thấy, bà Th và ông Tr hiện đang bị bắt tạm giam về một tội phạm khác, Doanh nghiệp tư nhân T hiện nay không còn hoạt động, nên giảm ½ án phí.

Hoàn trả cho công ty ĐT số tiền tạm ứng án phí KDTM sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các điều 24, 50, 74, 87, 306, 317 Luật thương mại 2005; các điều 141, 143 Luật doanh nghiệp; các điều 30, 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Buộc bà Nguyễn Thị Th, chủ Doanh nghiệp tư nhân T và ông Nguyễn Hữu Tr liên đới thanh toán cho Công ty trách nhiệm hữu hạn dịch vụ xuất nhập khẩu ĐT số tiền 5.150.481.918 đồng (năm tỷ một trăm năm mươi triệu bốn trăm tám mươi một ngàn chín trăm mười tám ngàn).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

- Về án phí: bà Nguyễn Thị Th- Chủ doanh nghiệp tư nhân T và ông Nguyễn Hữu Tr liên đới nộp 56.575.000 đồng án phí KDTM sơ thẩm.

Hoàn trả cho Công ty ĐT số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 61.610.095 đồng (Biên lai thu tiền tạm ứng án án phí số 001896 ngày 28/4/2014 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Xuân Lộc).

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Xuân Lộc;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thanh Thái